

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ TÂN HOÀNG GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ CÔNG NGHỆ TÂN HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN HOANG GIA TECHNOLOGY AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAN HOANG GIA TI .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108712468

3. Ngày thành lập: 24/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Cây, Thôn Cổ Diễn A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0948 692 999 / 08 8856 1889 Fax:

Email: Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí và không bao gồm hoạt động đấu giá)	4773
2.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
4.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
5.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
6.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
7.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
8.	Xuất bản phần mềm	5820
9.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông	6190
10.	Lập trình máy vi tính	6201
11.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
12.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	6209

13.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
14.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
15.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
16.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
17.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc - Khảo sát xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Tư vấn đầu thầu	7110
18.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất - Thiết kế xây dựng công trình - Giám sát thi công xây dựng công trình - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	7410
19.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển	7730
20.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
21.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
22.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
23.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

25.	Giáo dục nhà trẻ (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8511
26.	Giáo dục mẫu giáo (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8512
27.	Giáo dục tiểu học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8521
28.	Giáo dục trung học cơ sở (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8522
29.	Giáo dục trung học phổ thông (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8523
30.	Đào tạo sơ cấp	8531
31.	Đào tạo trung cấp (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
32.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
33.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
34.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
35.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên. + Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	8560

36.	Khai thác và thu gom than cứng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0510
37.	Khai thác và thu gom than non (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0520
38.	Khai thác khí đốt tự nhiên (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0620
39.	Khai thác quặng sắt (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0710
40.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0722
41.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0730
42.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0810
43.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0891
44.	Khai thác và thu gom than bùn (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép)	0892
45.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
46.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
47.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
48.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
49.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	3240
50.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
51.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
55.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
56.	Xây dựng nhà để ở	4101

57.	Xây dựng nhà không để ở (Loại trừ những loại nhà nước cấm)	4102
58.	Xây dựng công trình điện	4221
59.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
60.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
61.	Phá dỡ	4311
62.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
63.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
66.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
67.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
68.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
69.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4620
70.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
71.	Bán buôn thực phẩm	4632
72.	Bán buôn đồ uống	4633
73.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4634

74.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
75.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Phân loại trang thiết bị y tế (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4659(Chính)
78.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4661

79.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
80.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại (Không bao gồm những loại Nhà nước cấm)	4669
81.	Bán buôn tổng hợp (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4690
82.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4721
83.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
84.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
85.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4724
86.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm những loại nhà nước cấm)	4730
87.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4741

88.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm. (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4752
89.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
90.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
91.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
92.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế và đồ chỉnh hình; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4772

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG VĂN BÌNH	Thôn 4, Xã Đông Mỹ, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.600.000	16.000.000.000	80,000	026076000026	
			Tổng số	1.600.000	16.000.000.000	80,000		
2	PHẠM THỊ HỒNG VÂN	Số 149B, A13, ngõ 66, phố Tân Mai, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	013472906	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

3	TRẦN VĂN HƯỞNG	Số 16B Dốc Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	012916014	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN HƯỞNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012916014

Ngày cấp: 05/10/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 16B Dốc Thọ Lão, Phường Đồng Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 609 tòa B, Đại Kim Building, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội